ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TƠ TUNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**
Số: 106 /BC-UBND	*Tơ Tung, ngày 20 tháng 6 năm 2022*

BÁO CÁO
Thực hiện Dự toán thu - chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2022

I. Thực hiện Thu - Chi ngân sách xã đến ngày 30 /6/2022

1. Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách

Tổng thu ngân sách đến ước 30/6 là 5.158.269.440 đồng, đạt 99,45% so với HĐND xã giao, tăng 31,54% so với cùng kỳ năm trước.

1. 1 Thu ngân sách huyện, tỉnh hưởng: 14.140.000 đồng, đạt 27,46%.

1. 2 Thu ngân sách xã: 5.144.129.440 đồng, đạt 99,2%.

Trong đó:

- Các khoản thu 100%: 64.951.000 đồng, đạt 68,4% so với dự toán;
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lê (%): 124.900.070 đồng, đạt 81,84% so với dự toán;
- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 4.654.795.000 đồng, đạt 193,85%;

+Thu bổ sung cân đối ngân sách : 2.809.710.000 đồng đạt 60%;

+Thu bổ sung có mục tiêu: 1.845.085.000 đồng đạt 100%; *(Bao gồm các nguồn: Bổ sung tiền tết 2022: 56.400.000 đồng; Hỗ trợ sử dụng dịch vụ công ích thủy lợi: 134.034.000 đồng; Bổ sung chi trả phụ cấp, hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công tác ở thôn: 431.000.000 đồng; Bổ sung xây dựng làng NTM: 30.000.000 đồng; Bổ sung phòng chống Covid-19: 1.400.000 đồng; Bổ sung hỗ trợ khôi phục SX vùng thiệt hại do hạn hán gây ra năm 2021: 88.300.000 đồng; Bổ sung đầu tư CT kiên cố hạ tầng giao thông trên địa bàn xã: 1.103.951.000 đồng).*

+ Thu chuyển nguồn: 299.483.370 đồng. *(Từ nguồn tăng thu sử dụng đất, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên, nguồn dự phòng ngân sách)*

Trong 6 tháng đầu năm 2022 các chỉ tiêu huyện giao UBND xã đã tích cực chỉ đạo, công tác thu, bám sát vào Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã đề ra nên các khoản thu đều đạt và vượt chỉ tiêu. Tuy nhiên những chỉ tiêu đạt là nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện và phần thu tại xã. Một số nguồn do bộ thuế huyện quản lý thu chưa đạt như lệ phí trước bạ nhà đất đạt 14.7%; tiền sử dụng đất đạt 37,9%; thuế GTGT đạt 24,2%; thuế thu nhập cá nhân đạt 18,1%.

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách

Tổng chi ngân sách ước đến 30/6 là 2.660.637.616 đồng đạt 51,3%, giảm 5.48% so với cùng kỳ. Tuy nhiên 6 tháng đầu năm có những nguồn chi mà chúng ta chưa thực hiện, như: Hoạt động văn hóa khu dân cơ; hoạt động của cơ sở Đảng; hoạt động của HĐND mới thực hiện 3 tháng và những nguồn bổ sung có mục tiêu chưa

thực hiện kịp thời. (Nguyên nhân, do các bộ phận chuyên môn, các ngành chưa quan tâm tổng hợp, chỉ đạo các làng lập chứng từ thanh toán)

(Có bảng chi tiết thu, chi kèm theo)

3. Về thực hiện Thu – Chi các quỹ khác của xã theo quy định

a. Về thu:

Tổng thu các khoản quỹ đóng góp của nhân dân theo quy định 69.645.000 đồng. *Trong đó:*

- Thu quỹ Đền ơn đáp nghĩa tổng thu 12.255.000 đồng, Trong đó: Thu từ kết dư 2021 chuyển sang 12.247.000 đồng, thu 6 tháng thực hiện. 8.081 đồng. (thu lãi)
- Thu quỹ Chất độc da cam tổng thu 46.265.000 đồng, thu kết dư năm 2021 chuyển sang 46.265.000 đồng, thu 6 tháng chưa thực hiện thu.
- Thu quỹ Bảo trợ trẻ em tổng thu 11.125.000 đồng, Trong đó: thu kết dư năm 2021 chuyển sang 11.125.000 đồng, thu 6 tháng chưa thực hiện thu.

b. Về chi

Tổng chi là 11.310.000 đồng. *Trong đó:*

- Chi quỹ Chất độc Da Cam 6 tháng là 1.400.000 đồng;
- Chi quỹ đền ơn đáp nghĩa mua quà chính sách là 6.000.000 đồng.
- Chi quỹ bảo trợ trẻ em 6 tháng là 3.910.000 đồng.

II. Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm

1. Đối với công tác thu

- Phối hợp với cơ quan thuế trong công tác quản lý thu NSNN, triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách, xử lý nợ đọng thuế. Trong đó, tập trung rà soát, nắm chắc đối tượng, nguồn thu ngân sách trên địa bàn; tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế, quyết toán thuế của tổ chức, cá nhân phấn đấu thu đạt 100%.

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo triển khai các biện pháp thu còn nợ đọng đối vơi các hộ chưa nộp tiền đóng góp xây dựng công trình còn nợ đọng của các năm trước.

2. Về điều hành quản lý chi ngân sách

- Đảm bảo chi lương và các khoản theo lương kịp thời theo đúng quy định.
- Thực hiện kịp thời các chính sách an sinh xã hội nhất là đối với hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách xã hội;
- Các khoản chi ngân sách được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo đúng chế độ, định mức theo qui định hiện hành, đảm bảo kinh phí kịp thời cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của xã.
- Đảm bảo chi đúng và đủ các khoản chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, không để tồn đọng, tiết kiệm chi các khoản tiếp khách, hội nghị , công tác phí.....

III. Biện pháp tổ chức thực hiện, đề xuất kiến nghị

1. Biện pháp tổ chức thực hiện

- Tập trung triển khai quyết liệt trong công tác thu các khoản thuế theo quy định, Chỉ đạo, giám sát, đôn đốc tổ chức, cá nhân, đóng góp đúng theo quy định của luật thuế hiện hành.

- Khai thác tất cả các nguồn thu thuế XDCB nhà ở tư nhân, kinh doanh vận tải trên địa bàn.

2. Đề xuất kiến nghị

- Đề nghị HĐND giám sát và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp điều kiện thực tế để UBND xã điều hành các khoản chi đúng theo luật ngân sách, trên dự toán đã được HĐND phê chuẩn. Đảm bảo, tiết kiệm những khoản chi thường xuyên.

- Đề nghi cấp trên cấp hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết 136/2021/ NQ-HĐND ngày 25/2/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai kịp thời để UBND xã chi trả phụ cấp đúng thời gian hàng tháng theo quy định. Và cấp hỗ trợ thêm kinh phí theo Nghị quyết 89 /2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh Gia Lai, vì nhu cầu chi theo Nghị quyết này là rất cao nhưng hàng năm huyện chỉ cấp tiền hoạt động cho các đại biểu, tiền chăm sóc sức khỏe, khai thác Internet, còn lại các hoạt động phát sinh khác giao xã phải tự cân đối.

Trên đây là báo cáo tình hình Thu,Chi ngân sách xã 6 tháng và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của UBND xã báo cáo kỳ họp thứ Năm HĐND xã khóa IX, nhiệm kỳ 2021-2026 ./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng TC-KH;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Mặt trận Tổ quốc và các Trưởng đoàn thể xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã khóa VIII;
- Lưu VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Trần Xuân Nam

Tỉnh : Gia Lai
Huyện : Kbang
Xã: Tơ ung

Mẫu biểu số 0

TỔNG HỢP THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 106 BC-UBND ngày 20/6/2022 của UBND xã Tơ Tung)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu N
A	1	2	3	4	5= 3/1	6= 4
TỔNG THU	**5.238.356.000**	**5.186.856.000**	**5.158.269.440**	**5.144.129.440**	**98,5**	
I,Các khoản thu 100%	**95.000.000**	**95.000.000**	**64.951.000**	**64.951.000**	**68,4**	
- Phí, lệ phí	30.000.000	30.000.000	20.561.000	20.561.000	68,5	
- Thu các khoản đóng góp của dân						
- Thu kết dư ngân sách						
- Thu khác	65.000.000	65.000.000	44.390.000	44.390.000	68,3	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**460.500.000**	**409.000.000**	**139.040.070**	**124.900.070**	**30,2**	
1.Các khoản thu phân chia					0,0	
- Thu tiền sử dụng đất	120.000.000	96.000.000	50.500.000	36.360.000	42,1	
- Thuế nhà đất			-		0,0	
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân hộ kinh doanh	14.000.000	14.000.000	11.800.000	11.800.000	84,3	
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			315.000	315.000		
- Lệ phí trước bạ nhà, đất, xe	60.000.000	40.000.000	5.881.545	5.881.545	9,8	
- Thuế giá trị gia tăng	87.000.000	80.000.000	19.368.250	19.368.250	22,3	
- Thu ATGT	24.000.000	24.000.000	18.950.000	18.950.000	79,0	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	500.000	0	2.280.000	2.280.000	456,0	
- Thuế thu nhập cá nhân	155.000.000	155.000.000	28.056.875	28.056.875	18,1	
- Thu khác về thuế			1.888.400	1.888.400		
III. Thu kết dư ngân sách			-		0,0	
IV.Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**4.682.856.000**	**4.682.856.000**	**4.654.795.000**	**4.654.795.000**	**99,4**	
1. Thu bổ sung cân đối	**4.682.856.000**	**4.682.856.000**	**2.809.710.000**	**2.809.710.000**	**60,0**	
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	4.682.856.000	4.682.856.000	2.809.710.000	2.809.710.000	60,0	
2.Thu bổ sung có mục tiêu			**1.845.085.000**	**1.845.085.000**	**0,0**	
3. Thu bổ sung CCTL	**0**				**0,0**	
V.Thu chuyển nguồn			**299.483.370**	**299.483.370**	0,0	

Tỉnh : Gia Lai
Huyện : Kbang
Xã: Tơ Tung

Mẫu biểu 09

TỔNG HỢP DỰ TOÁN TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 106 BC-UBND ngày 20/6/2022 của UBND xã Tơ Tung)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán			Ước thực hiện 6 tháng			So sánh (%)	
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT
1	2	3	4	5	6	7	8= 5/2	9= 6/3
Tổng số chi	**5.186.856.000**	**96.000.000**	**5.090.856.000**	**2.660.637.616**	**0**	**2.660.637.616**	**51,30**	-
1. Chi công tác dân quân tự vê, an ninh trật tự	**161.787.000**	**0**	**161.787.000**	**64.856.000**	**0**	**64.856.000**	40,09	
- Chi dân quân tự vệ	117.896.000		117.896.000	60.406.000		60.406.000	51,24	
- Chi an ninh trật tự	43.891.000		43.891.000	4.450.000		4.450.000	10,14	
2. Chi giáo dục	**59.000.000**		**59.000.000**	**1.788.000**		**1.788.000**	**3,03**	
3. Chi ứng dụng chuyển giao công nghệ	**0**			-				
4. Chi y tế	**53.640.000**		**53.640.000**	**4.470.000**		**4.470.000**	**8,33**	
5. Chi văn hóa, thông tin	**92.595.000**		**92.595.000**	**9.000.000**		**9.000.000**	**9,72**	
6. Sự nghiệp truyền thanh	**10.000.000**		**10.000.000**	-		-	-	
7. Chi thể dục thể thao	**23.015.000**		**23.015.000**	**7.975.000**		**7.975.000**	**34,65**	
8.Chi môi trường	**30.000.000**		**30.000.000**	-		-	-	
9 Chi các hoạt động kinh tế	**286.917.000**	**96.000.000**	**190.917.000**	**19.842.410**	**0**	**19.842.410**	**6,92**	-
- Giao thông	128.753.000		128.753.000	-	-	-	-	
- Nông lâm, thủy lợi, hải sản	22.164.000		22.164.000	4.291.200		4.291.200		
- Thị chính	40.000.000		40.000.000	15.551.210		15.551.210		
- Chi đầu tư PT XDNTM (Thu tiền sử dụng đất)	96.000.000	96.000.000		-		-	-	
- Các hoạt động kinh tế khác	0			-		-		
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	**4.271.337.000**	**0**	**4.271.337.000**	**2.490.776.206**	**0**	**2.490.776.206**		
Trong đó: Quỹ lương	0		0	-		-		
10.1. Quản lý Nhà nước	**4.271.337.000**	**0**	**4.271.337.000**	**2.490.776.206**	**0**	**2.490.776.206**		
- Hội đồng nhân dân xã	446.404.000		446.404.000	155.718.090		155.718.090	34,88	
- Ủy ban nhân dân xã	2.107.686.000		2.107.686.000	1.214.054.254	-	1.214.054.254	**57,60**	
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	806.912.000		806.912.000	409.759.796		409.759.796		
10.3. Mặt trận tổ quốc Việt Nam	372.447.000		372.447.000	181.546.990		181.546.990	48,74	
10.4. Đoàn Thanh niên CS HCM	134.939.000		134.939.000	131.413.474		131.413.474	97,39	
10.5. Hội Liên hiệp phụ nữ	117.533.000		117.533.000	126.860.384		126.860.384	107,94	
10.6. Hội Cựu chiến binh	145.752.000		145.752.000	140.077.464		140.077.464	96,11	
10.7. Hội Nông dân	129.664.000		129.664.000	129.845.754		129.845.754	100,14	
10.8 Chi hỗ trợ khác (Hội chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi, Hội khuyến học,	10.000.000		10.000.000	1.500.000		1.500.000	15,00	
11.Chi công tác xã hội	**36.267.000**	**0**	**36.267.000**	**61.930.000**	**0**	**61.930.000**	170,76	
-Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và Trợ cấp khác	25.373.000		25.373.000	12.506.000		12.506.000	49,29	
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa, cứu tế xã hội	10.894.000		10.894.000	49.424.000		49.424.000	453,68	
Tiết kiệm 10% chi TX và tăng thu)	**63.250.000**		**63.250.000**	-		-	-	
12. Dự phòng	**99.048.000**		**99.048.000**	-		-	-	

Tỉnh : Gia Lai
Huyện : Kbang
Xã: Tơ Tung

Mẫu biểu 09

TỔNG HỢP DỰ TOÁN TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 106 BC-UBND ngày 20/6/2022 của UBND xã Tơ Tung)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán			Ước thực hiện 6 tháng			So sánh (%)	
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT
1	2	3	4	5	6	7	8= 5/2	9= 6/3
Tổng số chi	**5.186.856.000**	**96.000.000**	**5.090.856.000**	**2.660.637.616**	**0**	**2.660.637.616**	**51,30**	-
1. Chi công tác dân quân tự vê, an ninh trật tự	**161.787.000**	**0**	**161.787.000**	**64.856.000**	**0**	**64.856.000**	40,09	
- Chi dân quân tự vệ	117.896.000		117.896.000	60.406.000		60.406.000	51,24	
- Chi an ninh trật tự	43.891.000		43.891.000	4.450.000		4.450.000	10,14	
2. Chi giáo dục	**59.000.000**		**59.000.000**	**1.788.000**		**1.788.000**	**3,03**	
3. Chi ứng dụng chuyển giao công nghệ	**0**			-				
4. Chi y tế	**53.640.000**		**53.640.000**	**4.470.000**		**4.470.000**	**8,33**	
5. Chi văn hóa, thông tin	**92.595.000**		**92.595.000**	**9.000.000**		**9.000.000**	**9,72**	
6. Sự nghiệp truyền thanh	**10.000.000**		**10.000.000**	-		-	-	
7. Chi thể dục thể thao	**23.015.000**		**23.015.000**	**7.975.000**		**7.975.000**	**34,65**	
8.Chi môi trường	**30.000.000**		**30.000.000**	-		-	-	
9 Chi các hoạt động kinh tế	**286.917.000**	**96.000.000**	**190.917.000**	**19.842.410**	**0**	**19.842.410**	**6,92**	-
- Giao thông	128.753.000		128.753.000	-	-	-	-	
- Nông lâm, thủy lợi, hải sản	22.164.000		22.164.000	4.291.200		4.291.200		
- Thị chính	40.000.000		40.000.000	15.551.210		15.551.210		
- Chi đầu tư PT XDNTM (Thu tiền sử dụng đất)	96.000.000	96.000.000		-		-	-	
- Các hoạt động kinh tế khác	0			-		-		
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	**4.271.337.000**	**0**	**4.271.337.000**	**2.490.776.206**	**0**	**2.490.776.206**		
Trong đó: Quỹ lương	0		0	-		-		
10.1. Quản lý Nhà nước	**4.271.337.000**	**0**	**4.271.337.000**	**2.490.776.206**	**0**	**2.490.776.206**		
- Hội đồng nhân dân xã	446.404.000		446.404.000	155.718.090		155.718.090	34,88	
- Ủy ban nhân dân xã	2.107.686.000		2.107.686.000	##############	-	1.214.054.254	**57,60**	
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	806.912.000		806.912.000	409.759.796		409.759.796		
10.3. Mặt trận tổ quốc Việt Nam	372.447.000		372.447.000	181.546.990		181.546.990	48,74	
10.4. Đoàn Thanh niên CS HCM	134.939.000		134.939.000	131.413.474		131.413.474	97,39	
10.5. Hội Liên hiệp phụ nữ	117.533.000		117.533.000	126.860.384		126.860.384	107,94	
10.6. Hội Cựu chiến binh	145.752.000		145.752.000	140.077.464		140.077.464	96,11	
10.7. Hội Nông dân	129.664.000		129.664.000	129.845.754		129.845.754	100,14	
10.8 Chi hỗ trợ khác (Hội chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi, Hội khuyến học,	10.000.000		10.000.000	1.500.000		1.500.000	15,00	
11.Chi công tác xã hội	**36.267.000**	**0**	**36.267.000**	**61.930.000**	**0**	**61.930.000**	170,76	
-Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và Trợ cấp khác	25.373.000		25.373.000	12.506.000		12.506.000	49,29	
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa, cứu tế xã hội	10.894.000		10.894.000	49.424.000		49.424.000	453,68	
Tiết kiệm 10% chi TX và tăng thu)	**63.250.000**		**63.250.000**	-		-	-	
12. Dự phòng	**99.048.000**		**99.048.000**	-		-	-	